TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ	*Quảng Yên, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q , TỈNH Q

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Đoàn Quang V , sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Khu 4, phường N, thị xã QY, tỉnh Q.

2. Chị Trần Thị H , sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu 4, phường N, thị xã QY, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hòa, thị xã Q, tỉnh Q vào ngày 10 tháng 4 năm 2017. Nên hôn nhân của anh V và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh V và chị H chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống.

Đến nay, cả anh V và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị H. Xét thấy, việc anh V và chị H thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H có 01 con chung là Đoàn Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2017. Ly hôn, anh V và chị H thỏa thuận giao con chung là Đoàn Thị Ngọc A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung thành niên. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Anh V và chị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh V và chị H thỏa thuận anh V có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H có 01 con chung là Đoàn Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2017. Ly hôn, anh V và chị H thỏa thuận giao con chung là Đoàn Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2017 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung thành niên. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đoàn Quang V và chị Trần Thị H thỏa thuận anh V có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí anh V đã nộp theo biên lai thu số 0001931 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Anh V đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q ;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường Nam Hòa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga